

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LẬP THẠCH  
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/DS-ST

Ngày 27-8-2021

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH, TỈNH VĨNH PHÚC**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Văn Nghĩa

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trần Thị Kim Khuyên

Bà Trần Thị Hồng Minh

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Lại Phương Thúy – Thư ký Toà án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên toà:*** Ông Ngô Trường Út - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2020/TLST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2020 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2021/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị Kim Thị T, sinh năm 1972; trú tại: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

***- Bị đơn:*** Bà Kim Thị N, sinh năm 1968 (vắng mặt) và ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1964 (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn V: Bà Kim Thị N, sinh năm 1968; đều trú tại: Thôn T, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt) (Theo văn bản ủy quyền ngày 15/01/2021).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/10/2020 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn trình bày: Chị và bà N có quan hệ họ hàng là cô cháu với nhau và có quan hệ làm ăn với nhau nên năm 2010, bà N, ông V có vay của chị số tiền 520.000.000đồng nhưng không có giấy tờ gì, khi đó hai bên không thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả. Ngày 25/12/2017, bà N, ông V đã trả cho chị 260.000.000đồng, còn nợ lại 260.000.000đồng. Ngày 15/12/2018, bà N, ông V viết giấy nhận nợ với chị là có vay của chị số tiền 260.000.000đồng và trả lãi là

0,8%/tháng (số tiền lãi sẽ trả hàng tháng), thời hạn vay là 12 tháng. Nhưng từ đó đến nay, bà N chưa thanh toán cho chị bất kỳ khoản tiền gốc và lãi nào cho chị. Nay chị yêu cầu bà N, ông V phải thanh toán cho chị số tiền gốc là 260.000.000đồng và tiền lãi là 0,8%/tháng tính từ ngày 15/12/2018 cho đến khi giải quyết xong vụ án. Tại phiên tòa, nguyên đơn xác nhận, trong thời gian vừa rồi bà N đã trả cho chị được 150.000.000đồng tiền gốc, cụ thể: ngày 28/5/2021 trả 60.000.000đ, ngày 20/6/2021 trả 50.000.000đ, ngày 01/7/2021 trả 40.000.000đ, đến nay còn nợ 110.000.000đồng tiền gốc và tiền lãi.

**Bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của ông V là bà Kim Thị N trình bày:** Năm 2016 vợ chồng bà vay của chị T 390.000.000đồng, khi vay không có giấy tờ gì khi đó hai bên không thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả. Đến năm 2017, vợ chồng bà trả cho chị T 260.000.000đồng cũng không có giấy giao nhận tiền gì. Trước đó mặc dù hai bên không thỏa thuận về lãi suất nhưng đến khi trả 260.000.000đồng thì các bên có thống nhất tiền lãi của 390.000.000đồng là 40.000.000đồng nên đến năm 2017 còn nợ là 170.000.000đồng. Trước đây bà có trình bày năm 2017 có vay của chị T 170.000.000đồng. Thực tế số tiền này là tiền từ năm 2016 bà đã vay của chị T và sau khi trả cho chị được 260.000.000đồng và cả tiền lãi, tổng cộng thành 170.000.000đồng.

Đến ngày 15/12/2018 thì vợ chồng bà có ký giấy nhận nợ với chị T tổng số tiền là 260.000.000 đồng (trong đó nợ gốc 170.000.000 đồng và tiền lãi 90.000.000 đồng tính từ năm 2017 đến ngày 15/12/2018), lãi suất 0,8%/tháng, thời hạn 12 tháng. Nhưng khi đến hạn vợ chồng bà vẫn chưa trả được nợ cho chị T. Đến ngày 28/2/2020 vợ chồng bà có viết tiếp giấy khất nợ hẹn trong năm 2020 sẽ trả hết cả nợ gốc và lãi trên số tiền 260.000.000 đồng. Do làm ăn khó khăn nên nay vợ chồng bà vẫn chưa trả được nợ gốc và lãi cho chị T. Nay chị T khởi kiện vợ chồng bà 260.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất 0,8%/tháng tính từ ngày 15/12/2018 cho đến nay, vợ chồng bà đồng ý trả số tiền nợ gốc và lãi như trên nhưng đề nghị chị T cho vợ chồng bà được trả dần.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch thụ lý vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thông báo thụ lý vụ án, thu thập tài liệu, chứng cứ theo đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi khai mạc phiên tòa đến khi nghị án, đảm bảo vô tư, khách quan, đúng quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử, xét

thấy:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Kim Thị T đối với bị đơn là ông Nguyễn Văn V và bà Kim Thị N về việc đòi nợ. Vì vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về pháp luật áp dụng giải quyết vụ án: Từ trước năm 2018, các bên có vay tiền nhau nên đến ngày 15/12/2018 bà Kim Thị N và ông Nguyễn Văn V, chị Kim Thị T có lập giấy biên nhận tiền, thỏa thuận lãi, thời hạn trả. Đến ngày 26/10/2020 có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết. Vì vậy pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án là Bộ luật dân sự năm 2015.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu bà N, ông V phải trả 260.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi từ ngày 15/12/2018 cho đến nay với mức lãi suất là 0,8%/tháng.

Nguyên đơn trình bày năm 2010, bà N, ông V có vay của chị số tiền 520.000.000đồng. Còn bị đơn trình bày năm 2016 vợ chồng bà vay của chị T 390.000.000đồng, đến ngày 15/12/2018 thì vợ chồng bà có ký giấy nhận nợ với chị T tổng số tiền là 260.000.000 đồng (trong đó nợ gốc 170.000.000 đồng và tiền lãi 90.000.000 đồng tính từ năm 2017 đến ngày 15/12/2018). Nhưng các bên đều không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho phần trình bày của mình về việc số vay nợ ban đầu, số tiền lãi.

Tuy nhiên, các đương sự đều thừa nhận do có mối quan hệ làm ăn nên trước ngày năm 2017 thì giữa bà N, ông V và chị T có cho nhau vay tiền nhưng không có giấy tờ gì, sau đó đến năm 2017 thì vợ chồng ông V, bà N đã trả cho chị T số tiền 260.000.000đồng. Đến ngày 15/12/2018, các bên xác định bà N, ông Thắng còn nợ chị T số tiền 260.000.000đồng nên các bên có ký giấy biên nhận tiền với nội dung “bà Kim Thị N chồng là ông Nguyễn Văn V có vay của cháu Kim Thị T số tiền là 260.000.000đồng, lãi suất 0,8%/tháng, thời hạn 12 tháng”. Phía bị đơn đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 260.000.000đồng và lãi suất 0,8%/tháng từ ngày 15/12/2018 cho đến nay nhưng đề nghị được trả dần nhưng nguyên đơn không đồng ý cho bị đơn trả dần số tiền trên. Tại phiên tòa, nguyên đơn xác nhận bà N, ông V đã trả một phần nợ gốc cho chị như sau: ngày 28/5/2021 trả 60.000.000đ, ngày 20/6/2021 trả 50.000.000đ, ngày 01/7/2021 trả 40.000.000đ. Vì vậy chị Kim Thị T khởi kiện bà Kim Thị N, ông Nguyễn Văn V theo giấy vay tiền ngày 15 tháng 12 năm 2018 và yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền nợ gốc còn lại là 110.000.000đồng là có cơ sở và cần chấp nhận.

Về yêu cầu tính lãi: Nguyên đơn đề nghị bị đơn phải trả lãi với lãi suất là 0,8%/tháng từ ngày 15/12/2018 đến nay và được bị đơn đồng ý. Theo giấy biên nhận vay tiền có thể hiện lãi suất vay là 0,8%/tháng, thời hạn vay là 12 tháng, đến ngày 20/2/2020 các bên có văn bản thỏa thuận gia hạn thời hạn trả là trong năm 2020. Nay nguyên đơn chỉ yêu cầu trả lãi theo hợp đồng, không yêu cầu trả lãi quá hạn nên cần chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn theo mức lãi suất 0,8%/tháng kể từ 15/12/2018 cho đến ngày xét xử ngày 27/8/2021 với số tiền nợ gốc cụ thể như sau:

Từ ngày 15/12/2018 đến ngày 28/5/2021 (02 năm 05 tháng 13 ngày) nợ gốc là 260.000.000đ; từ ngày 28/5/2021 đến ngày 20/6/2021 (23 ngày) nợ gốc là 200.000.000đ; từ ngày 20/6/2021 đến ngày 01/7/2021 (11 ngày) nợ gốc là 150.000.000đ; từ ngày 01/7/2021 đến ngày xét xử ngày 27/8/2021 (01 tháng 26 ngày) nợ gốc là 110.000.000đ.

Số tiền lãi mà bị đơn phải trả là:  $260.000.000\text{đồng} \times 0,8\% \times (02 \text{ năm } 05 \text{ tháng } 13 \text{ ngày}) + 200.000.000\text{đồng} \times 0,8\% \times (23 \text{ ngày}) + 150.000.000\text{đồng} \times 0,8\% \times (11 \text{ ngày}) + 110.000.000\text{đồng} \times 0,8\% \times (01 \text{ tháng } 26 \text{ ngày}) = 64.529.000\text{đồng}$  (làm tròn).

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T buộc bà N và ông V phải liên đới trả số tiền nợ gốc và lãi là  $110.000.000\text{đồng} + 64.529.000\text{đồng} = 174.529.000\text{đồng}$ .

[7]. Về án phí: Bà N và ông V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là:  $174.529.000\text{đồng} \times 5\% = 8.726.450 \text{ đồng}$ .

Chị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Điều 463, 466, 468, khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015; Điều 227, 228, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Kim Thị T đối với bà Kim Thị N và ông Nguyễn Văn V.

Buộc bà Kim Thị N và ông Nguyễn Văn V phải liên đới trả cho chị Kim Thị T số tiền là 174.529.000đồng, trong đó nợ gốc 110.000.000đồng, nợ lãi là 64.529.000đồng.

Kể từ ngày người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án số tiền nêu trên người phải thi hành án không trả được, thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Kim Thị N và ông Nguyễn Văn V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.726.450 đồng.

Chị Kim Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.600.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2020/0001036 ngày 30/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Thạch.

- Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án.

*Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Lập Thạch;
- Chi cục THADS huyện Lập Thạch;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký)*

**Nguyễn Văn Nghĩa**